
MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
CHƯƠNG I	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ.....	6
1.2. TÊN CƠ SỞ	6
1.2.1. Địa điểm cơ sở	6
1.2.3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường thành phần	7
1.2.4. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).....	8
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ	8
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	8
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	8
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	10
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HOÁ CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ	11
1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	11
1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cấp điện	11
1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cấp nước	11
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ.....	12
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở	12
1.5.2. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở	13
1.5.3. Tổng mức đầu tư	14
1.5.5. Tình hình triển khai hoạt động của Cơ sở.....	14
CHƯƠNG II	16
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	16
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG (NẾU CÓ)	16
CHƯƠNG III.....	17

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	17
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	17
3.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa	17
3.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước thải	17
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	20
3.2.1. Công trình, biện pháp giảm sự bay hơi của xăng dầu.....	20
3.2.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động giao thông...	23
3.2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ máy phát điện dự phòng.....	23
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	23
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	24
3.5. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	25
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	26
3.7. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC.....	29
3.7.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lây lan dịch bệnh	29
3.7.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do thiên tai.....	30
CHƯƠNG IV	31
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	31
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	31
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	31
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	31
4.1.3. Dòng nước thải.....	31
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	31
4.1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải	32
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI	32
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	32
CHƯƠNG V	33
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	33

5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	33
5.1.1. Vị trí quan trắc, lấy mẫu nước thải	33
5.1.2. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước thải.....	33
CHƯƠNG VI	35
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	35
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	35
6.2.1. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ	35
6.2.1.1. Quan trắc, giám sát nước thải	35
6.2.1.2. Quan trắc, giám sát khí thải	35
6.2.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC CHẤT THẢI	35
6.3. KINH PHÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....	35
CHƯƠNG VII.....	36
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	36
7.1. CÁC ĐỢT KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	36
KHÔNG	36
7.2. CÔNG TÁC THỰC HIỆN YÊU CẦU, KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA	36
CHƯƠNG VIII.....	37
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	37

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa (Biochemical oxygen demand)
COD	Nhu cầu oxy hoá học (Chemical oxygen demand)
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
DO	Dầu diesel (Diesel Oil)
HT XLNT	Hệ thống xử lý nước thải
KKT	Kinh tuyến trục
LOD	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
STT	Số thứ tự
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TN	Tổng Nitơ
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng (Total suspended solids)
UBND	Ủy ban Nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Sản phẩm của cơ sở	10
Bảng 2. Bảng thống kê lượng nước sử dụng thực tế tại kho xăng dầu	11
Bảng 3. Hạng mục công trình của Kho	12
Bảng 4. Danh mục các loại máy móc thiết bị	13
Bảng 5. Khối lượng CTNH có nguy cơ phát sinh.....	24
Bảng 6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	31
Bảng 7. Vị trí quan trắc, lấy mẫu nước thải	33
Bảng 8. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước thải năm 2023	33

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. Sơ đồ vị trí hoạt động của Kho	7
Hình 2. Sơ đồ tổ chức của kho	14
Hình 3. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn.....	18
Hình 4. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải xăng dầu.....	20

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

Công ty xăng dầu Bình Định

- Địa chỉ trụ sở chính: 85 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- Người đại diện theo pháp luật của Chủ cơ sở:

(ông) **Phạm Ngọc Khuyến** Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc

- Điện thoại: 0256.3894019 Fax: 0256.3893236

- Địa điểm cơ sở quan trắc: Kho xăng dầu Quy Nhơn – KV8, Phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Người đại diện kho: Ông Lê Anh Tuấn – Trưởng kho

+ Điện thoại liên hệ: 0256.3514113

+ Loại hình hoạt động kinh doanh: Tiếp nhận, cung cấp xăng dầu và giữ hộ xăng dầu nguồn dự trữ quốc gia, hàng P10.

- Giấy chứng nhận đầu tư/ đăng ký kinh doanh số 4100259821 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 22/7/2010 cho Công Ty Xăng Dầu Bình Định.

- Quyết định số 2119/QĐ-CTUBND ngày 18/09/2007 của chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Kho xăng dầu Quy Nhơn.

1.2. TÊN CƠ SỞ

Kho xăng dầu Quy Nhơn

1.2.1. Địa điểm cơ sở

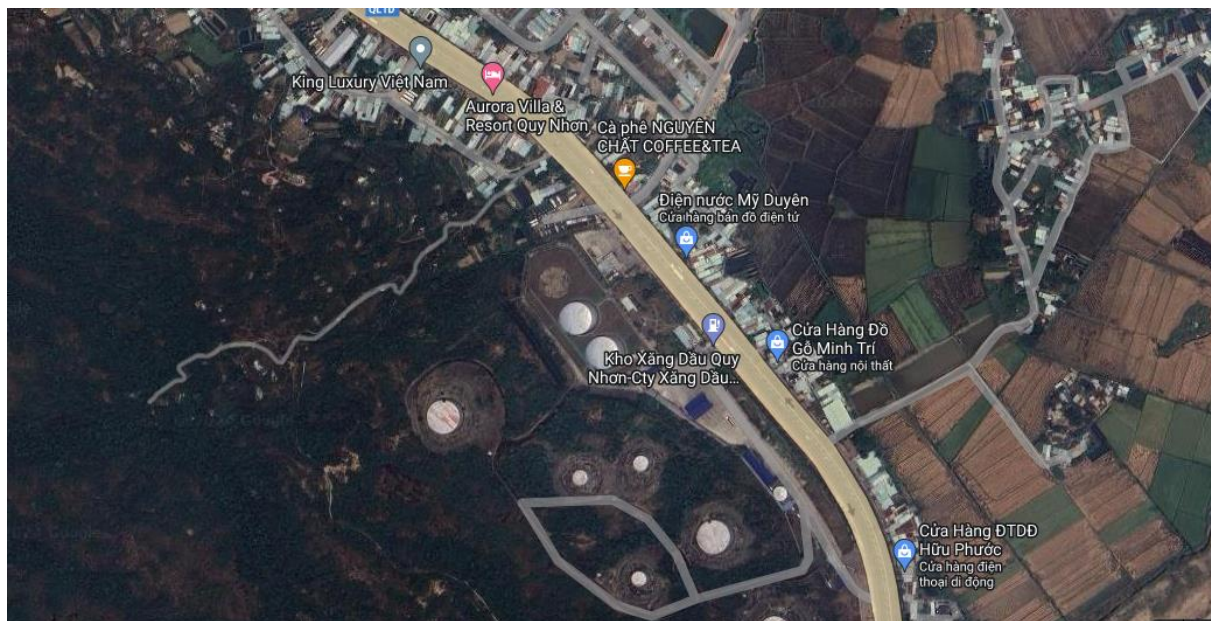
Kho xăng dầu Quy Nhơn có diện tích 166.545m², hoạt động tại địa điểm: KV8, phường Nhơn Phú, thành Phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Vị trí khu đất cơ sở tiếp giáp với các đối tượng như sau:

- Phía Đông Nam: Tiếp giáp với tuyến đường Quốc Lộ 1D. Tuyến đường này quốc lộ và sẽ là tuyến đường chính phục vụ vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành và khai thác của phương tiện giao thông ra vào kho.

- Phía Tây: Tiếp giáp với sườn đồi, núi.

- Phía Nam: Tiếp giáp với bãi đậu xe oto xitec của Chi nhánh vận tải xăng dầu Petrolimex (PTC) và dọc theo sườn đồi núi.
- Phía Bắc: Tiếp giáp với cửa hàng xăng dầu số 28 và dọc theo sườn đồi núi.



Hình 1. Sơ đồ vị trí hoạt động của Kho

1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.2.3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường thành phần

Trong quá trình vận hành hoạt động từ trước đến nay, Kho luôn tuân thủ các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và được các cấp có thẩm quyền cấp phép, phê duyệt, xác nhận các thủ tục môi trường liên quan như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259821 do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/07/2010
- Quyết định số 2119/QĐ-CTUBND ngày 18/09/2007 của chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Kho xăng dầu Quy Nhơn.

- Công ty đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, mã số 52.0000100.T, cấp lần đầu ngày 06/3/2014.

1.2.4. Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Giấy chứng nhận đầu tư/ đăng ký kinh doanh số 4100259821 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 22/7/2010 cho Công ty Xăng Dầu Bình Định. Dự án Kho xăng dầu Quy Nhơn có tổng vốn đầu tư 44.107.070.000 VNĐ (*Bốn mươi bốn tỷ một trăm lẻ bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*).

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Loại hình hoạt động: Tiếp nhận, xuất và lưu chứa xăng dầu.

- Công suất:

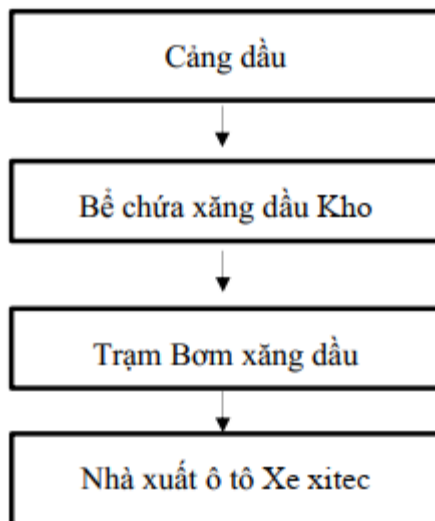
+ Kho xăng dầu có sức chứa: 49.020 m³, trong đó: 02 bể 1.600 m³ (chứa dầu DO), 01 bể 8.000 m³ (chứa xăng), 01 bể 10.000 m³ (chứa xăng), 02 bể 8.000 m³ và 01 bể 10.000 m³ (chứa dầu DO), 01 bể 1.600 m³ (chứa xăng), 02 bể 110 m³ (chứa Etanol). Tổng là 10 bể với sức chứa 49.020 m³

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Hoạt động của Kho xăng dầu Quy Nhơn bao gồm quá trình tiếp nhận xăng dầu bằng đường ống dài 7km từ Cảng dầu Quy Nhơn, xuất xăng dầu đường bộ cho ô tô xitec.

Hệ thống công nghệ của Kho được thiết kế với áp suất thiết kế là 10Kg/cm², áp suất vận hành là 6Kg/cm².

Công nghệ xuất, nhập xăng dầu của dự án được trình bày tại sơ đồ sau:



Quy trình vận hành:

+ Quy định quản lý hoạt động kho xăng dầu Quy Nhơn

Phương thức xuất nhập xăng dầu:

1.3.2.1. Công đoạn nhập

Xăng dầu được nhập vào Kho Cảng dầu Quy Nhơn bằng đường thủy từ cầu cảng 10.000DWT theo phương án bơm chuyển tiếp qua kho cảng dầu và tuyến ống ngầm theo quy trình nhập xăng dầu theo quyết định số: 330/PLBĐ-QĐ-QLKT ngày 10/06/2019.

Xăng, dầu được nhập vào Kho Cảng dầu Quy Nhơn thông qua 2 bể chứa 400m³ sau đó được bơm trung chuyển đến Kho xăng dầu Quy Nhơn thông qua 02 đường ống có chiều dài khoảng 7km.

1.3.2.2. Công đoạn xuất

Chuẩn bị trước khi xuất hàng:

+ Lập kế hoạch xuất hàng từng kho, bể, từng loại hàng trong ngày.

Hằng ngày, Phòng KD Công ty căn cứ tồn kho, kế hoạch xuất hàng, dự kiến nhập tàu phối hợp phòng QLKT và Kho để quyết định bể xuất cho từng loại hàng cho ngày hôm sau, xuất gọn từng bể đảm bảo hiệu quả.

+ Đối với xuất bể mới sau khi nhập hàng, Phòng QLKT cung cấp tỉ trọng chuẩn (D15) của lô hàng trong bể cho Kho làm cơ sở tính toán lượng hàng xuất.

+ Trước khi xuất hàng, Kho tự thực hiện kiểm tra đo tính hàng hoá trong bể và tình trạng niêm phong bể. Nếu trường hợp phát hiện thấy sai lệch bất

thường hoặc mất niên thì báo phòng QLKT phối hợp kiểm tra xác định nguyên nhân, báo cáo lãnh đạo Công ty giải quyết.

+ Các số liệu đo bể, vị trí niêm và số niêm được ghi chép đầy đủ vào sổ đo bể và sổ niêm công nghệ, có ký xác nhận của lãnh đạo Kho và người kiểm tra đo bể.

Nhiên liệu từ các bể chứa trong kho được xuất cho ô tô xitec các loại bằng máy bơm được đặt tại trạm bơm dầu và nhà xuất ô tô xitec.

Nhà xuất xe bồn có diện tích gần 180 m², bố trí 3 đảo xuất/nhập, có 5 làn xe để xuất/nhập xe bồn

Số lượng họng xuất/nhập xe bồn của kho bao gồm:

- 03 họng 4’’ xuất/nhập Ron95
- 05 họng 4’’ xuất/nhập DO
- 02 họng 3’’ xuất/ nhập E5

Kho trang bị hệ thống xuất hàng tự động hoá với hình thức xuất nhập kín.

Lượng hàng xuất cho ô tô xitec đều được kiểm soát bằng hệ thống lưu lượng kế. Thông tin về lượng hàng xuất được đưa về máy tính trung tâm tại phòng điều khiển khiên và ngược lại. Sử dụng bộ điều khiển xuất mẻ (Batch Controller) lắp tại giàn xuất điều khiển đóng mở van điện từ để xuất hàng theo số lượng định trước.

Quá trình xuất nhiên liệu được thực hiện bằng các hệ thống ống kín, nhưng vẫn có thể bị rò rỉ xăng dầu, ngoài ra còn có một lượng xăng dầu bay hơi thải vào môi trường. Chủ dự án kiểm tra thường xuyên các hệ thống đường ống và bơm xuất, cũng như thực hiện tốt biện pháp thông gió và trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên tổng kho, nhằm đảm bảo chất lượng môi trường và sức khoẻ của các công nhân.

* *Hoạt động pha chế xăng E5*: Xăng RON 92 và Ethanol, qua bộ trộn, sản phẩm đầu ra là xăng E5 RON92. E100 được nhập bằng đường bộ.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Bảng 1. Sản phẩm của cơ sở

Stt	Sản phẩm	Đơn vị	Số liệu bán ra năm 2023 (m ³)
1	Xăng RON95	m ³	424.259
2	Xăng E5-RON92	m ³	

Stt	Sản phẩm	Đơn vị	Số liệu bán ra năm 2023 (m ³)
3	Dầu Diesel	m ³	
4	Dầu hoả	m ³	

[Nguồn: Công ty Xăng dầu Bình Định]

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HOÁ CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu

Hoạt động của cơ sở chủ yếu là lưu chứa và xuất bộ xăng dầu nên nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu Kho sử dụng tương ứng với sản phẩm của cơ sở ở *bảng 1*.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cấp điện

- Mục đích sử dụng: phục vụ cho chiếu sáng, vận hành máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của Kho.

- Nhu cầu sử dụng điện khoảng 181.951kWh/tháng.

* Nguồn cung cấp: Công ty Xăng dầu Bình Định

- Nguồn cấp điện:

+ Hệ thống lưới điện của Công ty Điện lực Bình Định;

+ Khi lưới điện nhà nước bị sự cố, thì cung cấp điện cho kho bằng 1 tổ máy phát điện 3 pha dự phòng. Hiện nay kho có máy phát điện có công suất 415KVA đáp ứng được yêu cầu sử dụng.

1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cấp nước

- Mục đích sử dụng: Nước cấp sử dụng cho quá trình hoạt động của Kho và sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, nước dùng dự trữ dùng chữa cháy.

Nhu cầu sử dụng: Lưu lượng nước sử dụng thực tế tại Kho dầu theo hóa đơn sử dụng nước như sau:

Bảng 2. Bảng thống kê lượng nước sử dụng thực tế tại kho xăng dầu

TT	Thời gian	Lưu lượng nước sử dụng trong tháng(m ³ /tháng)	Lưu lượng nước sử dụng trong ngày (m ³ /ngày)
1	6/2023	441	14,70
2	7/2023	652	21,73
3	8/2023	592	19,73

TT	Thời gian	Lưu lượng nước sử dụng trong tháng(m ³ /tháng)	Lưu lượng nước sử dụng trong ngày (m ³ /ngày)
4	9/2023	593	19,77
5	10/2023	375	12,50
6	11/2023	386	12,87
7	12/2023	369	12,30
8	01/2024	399	13,30
9	02/2024	597	19,90
10	03/2024	504	16,80
11	04/2024	705	23,50
12	05/2024	758	25,27
13	06/2024	666	22,20

(Nguồn: Công ty Xăng dầu Bình Định)

Như vậy tổng lượng nước cấp sử dụng trung bình tại Kho xăng dầu là khoảng **18,04 m³/ngày**, lượng nước sử dụng lớn nhất cho hoạt động tại Kho xăng dầu là khoảng **25,27 m³/ngày**.

- Nguồn cung cấp nước: Kho sử dụng nguồn nước sạch mạng lưới cấp nước thành phố Quy Nhơn (thông qua hợp đồng ký kết giữa hai bên).

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Trong phạm vi diện tích khu đất 166.545m² Chủ cơ sở đã xây dựng, bố trí các hạng mục công trình sau:

Bảng 3. Hạng mục công trình của Kho

Stt	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng
1	Bể chứa H1 đến H5	BỂ	05
2	Bể chứa E1 đến E3	BỂ	03
3	Bể chứa thuốc foam 14,5m ³	BỂ	01
4	Bể chứa cồn E100 K1, K2	m ²	02
5	Bể chứa nước PCCC	m ²	01
6	Đê chống tràn B=0.25m, H=1.2m	m	394
7	Nhà cấp phát xăng dầu ô tô xitec	m ²	245

Stt	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng
8	Trạm bơm xăng dầu	m ²	97
9	Nhà thường trực bảo vệ	m ²	29
10	Nhà văn phòng 2 tầng	m ²	149
11	Bể nước chữa cháy 1500 m ³ (bể nổi)	m ³	1500
12	Nhà hợp khối văn phòng. Đội giao hàng, nhà xe chữa cháy, trạm bơm chữa cháy.	m ³	305
13	Nhà kiểm tra ô tô xitec	m ²	24
14	Trạm biến áp	m ²	16
15	Khu vực để xe của nhân viên	m ²	100
16	Đường đá dăm thâm nhập nhựa	m ²	1300
17	Bãi bê tông M200	m ²	800

[Nguồn: Kho xăng dầu Quy Nhơn]

Cấu tạo bồn bể tại Kho:

Bể chứa tại Kho là nơi bồn chứa các loại xăng dầu, bể có hình dạng hình trụ tròn đứng, được chế tạo bằng thép tấm hàn đối đầu hay gối đầu, chiều dày thép từ 6, 8, 10, 12mm, mái bể dạng hình nón bao gồm:

- 02 bể 1.600 m³ (chứa dầu DO),
- 01 bể 8.000 m³ (chứa xăng),
- 01 bể 10.000 m³ (chứa xăng)
- 02 bể 8.000 m³ và 01 bể 10.000 m³ (chứa dầu DO)
- 01 bể 1.600 m³ (chứa xăng).
- 02 bể 110 m³ (chứa Etanol)

1.5.2. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

Các máy móc, thiết bị phục vụ cho vận hành hoạt động của Kho được tổng hợp như sau:

Bảng 4. Danh mục các loại máy móc thiết bị

Stt	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Vị trí lắp đặt
A	Thiết bị hệ thống công nghệ			
	Van các loại			

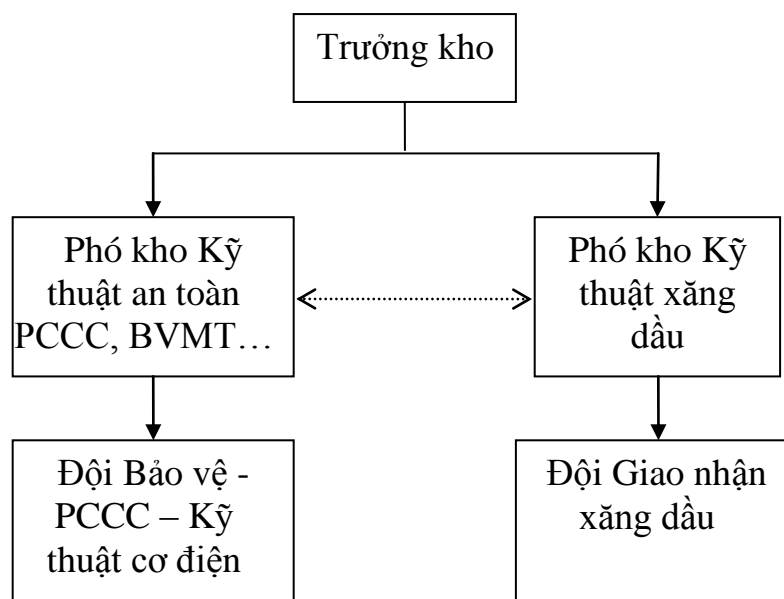
Stt	Tên máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Vị trí lắp đặt
1	Bể chứa xăng dầu	Cái	10	Kho xăng dầu
2	Hệ thống đường ống công nghệ	m	2556.3	
3	Áp kế	Cái	30	Đường ống, bể chứa
4	Van an toàn	Cái	10	Đường ống, bể chứa
5	Đồng hồ xăng dầu	Cái	9	Giàn cấp xăng dầu
6	Động cơ điện phòng nổ	Cái	14	Trạm bơm
7	Đèn chiếu sáng phòng nổ	Cái	25	Giàn cấp xăng dầu

[Nguồn: Kho xăng dầu Quy Nhơn]

1.5.3. Tổng mức đầu tư

Giá trị tổng mức đầu tư của Dự án: 44.107.070.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ một trăm lẻ bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng)

1.5.4. Tổ chức quản lý, nhân sự



Hình 2. Sơ đồ tổ chức của kho

1.5.5. Tình hình triển khai hoạt động của Cơ sở

Kho xăng dầu Quy Nhơn được sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số 00003, đăng ký lần đầu ngày 05/12/2012; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 09/5/2022.

Hiện Công ty Xăng dầu Bình Định đang quản lý, vận hành Kho xăng dầu Quy Nhơn.

Xăng dầu được bơm từ tàu chở xăng dầu ở Cảng dầu Quy Nhơn và bơm trung chuyển lên Kho xăng dầu Quy Nhơn, xăng dầu được lưu chứa trong các bể. Hàng ngày, các xe ô tô xitec sẽ đến Kho chở xăng dầu đến các cửa hàng của Công ty và các đơn vị khác để phân phối đến người tiêu dùng.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

- Dự án Kho xăng dầu Quy Nhơn được triển khai hoạt động và vận hành dựa trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số 00003, đăng ký lần đầu ngày 05/12/2012; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 09/5/2022.

- Dự án Kho xăng dầu Quy Nhơn được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường vào ngày 18/09/2007.

- Công ty đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, mã số 52.0000100.T, cấp lần đầu ngày 06/3/2014.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG (NẾU CÓ)

Công ty Xăng dầu Bình Định đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của kho cảng dầu với công suất 40 m³/h. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (cột B), **sau đó nước thải được thoát hệ thống cống thoát trên đường QL1D.**

Theo kết quả quan trắc chất lượng nước thải đầu ra hệ thống xử lý của Kho xăng dầu năm 2022, 2023 (đính kèm ở phụ lục) cho thấy rằng, hầu hết các thông số ô nhiễm trong mẫu nước **thải sau xử lý** đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (cột B). Điều này chứng tỏ hệ thống xử lý nước thải của Kho dầu đang hoạt động có hiệu quả và việc xả thải nước thải của kho dầu tác động không đáng kể đến môi trường. Do đó, loại hình hoạt động của cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa

Khi có mưa, nếu để hiện tượng nước mưa chảy tràn trong mặt bằng khu vực sản xuất cuốn theo các chất ô nhiễm như bụi, đất đá, xăng dầu rơi vãi trên mặt bằng rồi chảy vào các nguồn tiếp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Mức độ ô nhiễm của nước mưa chảy tràn tùy thuộc vào các yếu tố sau:

- Tình trạng vệ sinh trong khu vực
- Khả năng tiêu thoát nước mưa của hệ thống cống
- Chất lượng môi trường không khí.

Tổng lượng nước mưa chảy tràn trung bình trên bề mặt tại kho xăng có thể ước tính khoảng 166 m^3 /ngày dựa trên:

- Lượng mưa trung bình năm: 1989 mm
- Diện tích khu vực dự án: 166.545 m^2
- Hệ số mặt phủ: 53,7
- Hệ số chảy tràn: 0.70

Nhận xét: Nước mưa chảy tràn, nguồn này có thể tích lớn và không liên tục, hàm lượng dầu và các chất ô nhiễm thấp, chủ yếu là đất đá cuốn trôi trên bề mặt sân bãi. Cho nên nguồn ô nhiễm này có thể bỏ qua, nước mưa chảy tràn có thể chảy trực tiếp vào nguồn tiếp nhận.

3.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Công trình thu gom xử lý nước thải sinh hoạt

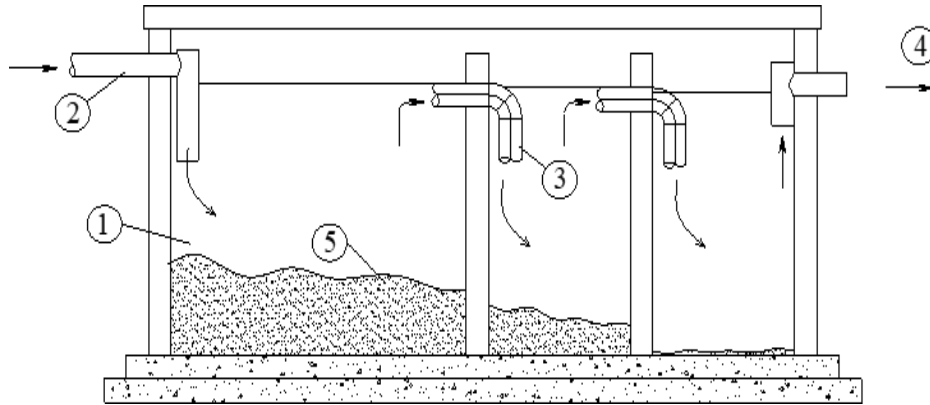
Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại kho xăng dầu khoảng 5 m^3 /ngày, dựa trên:

- Lượng phát thải bình quân: 100 lít/ người/ngày
- Số công nhân làm việc tại Kho: 50 người

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loài vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng. Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh trong khu vực được thu gom đến các bể tự hoại. Bể tự hoại được xây dựng theo quy chuẩn của Bộ xây

dụng, gồm 3 ngăn hoạt động với chức năng chính là lắng và phân huỷ cặn lắng bằng vi sinh vật.

Bể tự hoại được xây dựng đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên và khách hàng. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn được thể hiện như hình sau:



Hình 3. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

Chú thích:

- | | |
|------------------------------------|--------------------------|
| 1. Bể tự hoại | 4. Ống dẫn nước thải ra |
| 2. Ống dẫn nước thải vào | 5. Cặn lắng xuống đáy bể |
| 3. Ống dẫn nước thải giữa các ngăn | |

Nguyên lý hoạt động:

Bể tự hoại 3 ngăn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt khá hiệu quả với quá trình lắng, lên men và lọc kỵ khí. Nước thải sinh hoạt được thu gom vào ngăn chứa của bể tự hoại sau đó chảy tràn qua ngăn lên men, tại đây nước thải sẽ bị phân huỷ kỵ khí giúp loại bỏ đáng kể thành phần hữu cơ ô nhiễm trong nước thải. Tiếp theo nước thải sẽ chảy tràn qua ngăn lắng cặn để lắng các cặn có kích thước lớn sau quá trình lên men. Cuối cùng nước thải tràn qua ngăn lọc thấm để giữ lại các bông cặn lơ lửng, thông qua hệ thống thoát nước thoát ra ngoài.

Bùn trong bể chứa được Công ty hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến hút và vận chuyển đi xử lý.

Kết cấu bể tự hoại:

+ Đáy bể: BT M150 dày 100mm, lớp lót đáy đá 4x6, BT M100 dày 100mm; chống thấm.

+ Tường bao: Xây gạch đin vữa M75

+ Nắp bể: đổ sàn đập kín bằng BTCT dày 100mm.

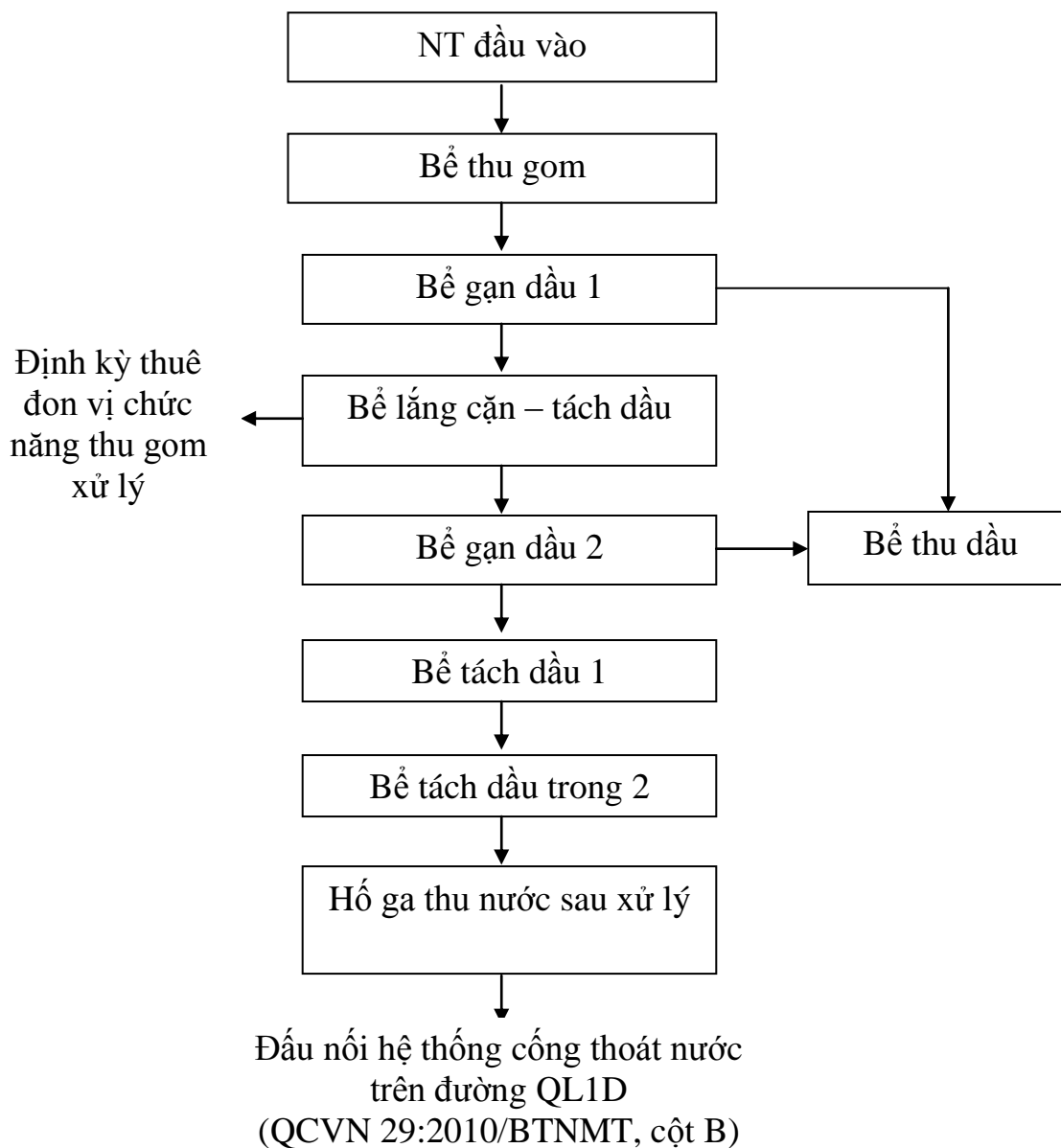
3.1.2.2. Xử lý nước thải từ các bồn chứa xăng dầu của Kho dầu Quy Nhơn.

Các bồn chứa xăng dầu tại Kho xăng dầu Quy Nhơn được bơm trung chuyển từ Kho Cảng dầu Quy Nhơn thông qua hệ thống đường ống có chiều dài khoảng 7km và được chôn sâu dưới lòng đất với độ sâu 1,5m và tuyến ống này cũng thường xuyên được kiểm tra định kỳ. Hàng năm tổng cộng vận chuyển khoảng 100.000-130.000 m³/năm.

Kho Cảng dầu Quy Nhơn có nhiệm vụ tiếp nhận xăng dầu từ tàu vào bồn chứa 400m³ trước khi bơm trung chuyển về Kho xăng dầu Quy Nhơn do đó xăng dầu có lẫn nước khi bơm từ tàu vào sẽ được tách hoàn toàn tại Kho Cảng dầu Quy Nhơn trước khi được bơm trung chuyển về Kho Xăng dầu Quy Nhơn. Do đó xăng dầu nhiễm nước tại các bồn chứa xăng dầu tại Kho Xăng dầu Quy Nhơn là rất ít.

Tuy nhiên để hạn chế sự cố xăng dầu nhiễm nước khi xuất xăng dầu đường bộ cho ô tô xitec thì tại các bể chứa xăng dầu tại Kho xăng dầu Quy Nhơn định kỳ được xả đáy để thải bỏ lượng nước dưới đáy bể. Lượng nước mỗi khi xả bể ước tính khoảng 1-2 m³/ngày. Lượng nước này khi xả thải kèm theo các váng dầu mỡ do đó cần được thu gom xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường. Để giảm thiểu tác động do các tác nhân ô nhiễm này gây ra, Kho xăng dầu Quy Nhơn đã xây dựng hệ thống tách dầu mỡ từ nguồn nước thải này.

Sơ đồ công nghệ hệ thống như sau:



Hình 4. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải xăng dầu

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu trước khi đầu nối hệ thống công thoát nước chung trên đường QL1D.

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

3.2.1. Công trình, biện pháp giảm sự bay hơi của xăng dầu

3.2.1.1. Đối với hệ thống và đường ống

- Để làm giảm sự bay hơi của xăng dầu, đối với hệ thống khoang chứa và bể chứa cùng hệ thống đường ống nhập dầu, tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Bể chứa luôn luôn ở trong tình trạng kín.

+ Các bể chứa xăng dầu với độ cao từ 10 -15m được đầu tư hệ thống tự động đo mức để theo dõi số lượng và nhiệt độ bình quân của nhiên liệu chứa

trong bể; giám sát mức chứa, theo dõi cảnh báo tràn trong quá trình nhập, theo dõi và cảnh báo mức chứa trong quá trình xuất. Sử dụng hệ PLC để thu nhận số liệu.

+ Trang bị các phao kim loại nổi trong các bể chứa dầu nhằm giảm thiểu khả năng bay hơi xăng dầu.

+ Tồn chứa các sản phẩm xăng dầu theo đúng khả năng chứa đầy của bể, vì nếu giảm thể tích khoảng trống chứa hơi của bể thì lượng xăng dầu bay hơi sẽ giảm.

+ Các bể chứa sẽ áp dụng các biện pháp kỹ thuật kiểm soát và chống nóng: hệ thống đo nhiệt độ, hệ thống phun nước tưới mát thân bể chứa, sử dụng sơn cao cấp phản xạ nhiệt để chống nóng.

+ Các van trong hệ thống công nghệ, các thiết bị bơm rót nhiên liệu sẽ sử dụng đúng chủng loại và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu.

+ Các bể chứa xăng dầu được lắp các van thử có bình ngăn tia lửa có thông số kỹ thuật phù hợp với công suất bơm chuyển để hạn chế tối đa lượng xăng dầu bay hơi vào không khí.

- Để giảm hiện tượng rò rỉ, Kho áp dụng các biện pháp:

+ Chống ăn mòn cho các công trình: đường ống công nghệ trong khu vực tại bể thép, đường ống ngầm nhập xuất nhiên liệu.

+ Kiểm tra thường xuyên hệ thống bồn chứa, hệ thống đường ống, mặt bích, các khớp nối, hệ thống các van, các mối hàn nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời những chỗ rò rỉ hoặc hỏng hóc. Đặc biệt lưu ý các mối hàn giữa đáy và thành khoang, bể, gioăng đệm lót kín trong các trạm bơm, hồ van,...

+ Khi phát hiện thấy các vết dầu trên các mối hàn và trên các tấm thép thành bể chứa có dầu ngấm loang từ dưới nền bể, dầu ngấm qua các vòng đệm của van chặn hoặc trong các mặt bích thì ngưng ngay việc nhập thêm dầu mới, xuất hết dầu cũ hoặc chuyển qua bể khác càng nhanh càng tốt để tu sửa lại.

+ Nhanh chóng khắc phục sự cố rò rỉ từ các lỗ nhỏ trên đường ống bằng cách lót đệm và đánh đai lại để chờ thay thế đoạn ống mới.

+ Đai ốp sẽ giữ chặt các tấm lót cao su, bo kín toàn bộ mối liên kết mặt bích, ngăn chặn hoàn toàn rò rỉ.

+ Khi phát hiện rò rỉ ở các đáy bể chứa đầy sản phẩm thì phải lập tức tháo hết sản phẩm xăng dầu ra bể để sửa chữa.

+ Trường hợp có sự cố tại các van dầu hoặc van chặn thì phải ngưng bơm để xử lý ngay lập tức.

+ Đảm bảo thông tin chặt chẽ giữa các bộ phận và các nhân viên trong quá trình nhập xăng dầu vào bồn chứa. Phải thông báo kịp thời khi thấy hiện tượng tăng áp suất bất thường để có thể dừng bơm kịp thời trước khi xảy ra sự cố vỡ đường ống, hiện tượng giảm áp suất bất thường để kiểm tra phát hiện rò rỉ.

- Cải tiến, đầu tư mới trong quá trình hoạt động. Biện pháp cải tiến, đầu tư mới công nghệ trong quá trình hoạt động là đầu tư chiều sâu hệ thống đường ống chính dẫn dầu, hiện đại công nghệ xuất nhập xăng dầu. Đây là một biện pháp cơ bản vì cho hiệu quả cao nhất trong loại trừ, giảm thiểu được các chất độc hại thải ra môi trường bên ngoài.

3.2.1.2. Các biện pháp giảm thiểu đối với khí thải phát ra từ quá trình rò rỉ, rơi vãi xăng dầu

Để tránh sự thất thoát xăng dầu do bay hơi ở các bồn chứa, cần sử dụng các biện pháp như sau:

- Làm giảm nhiệt độ kho bồn như bơm nước mát trên các bồn chứa
- Xây dựng các tường cách nhiệt
- Sử dụng sơn phản nhiệt, sơn phủ lên các bồn để ngoài trời
- Trong hệ thống các bể được lắp đặt Sennor đo lường và hiển thị các thông số cơ bản của các chất lỏng chứa trong bể: Độ cao để xác định dung tích, áp lực, nhiệt độ, mức nước trong bồn chứa.
- Có công tác hạn định mức cao nhất và báo tràn tự động.

Để tránh sự thất thoát xăng dầu do bay hơi ở khu xuất hàng, cần sử dụng các biện pháp như sau:

- Tự động điều khiển máy bơm để xuất hàng tương ứng với từng loại nhiên liệu
- Ấn định lượng hàng theo yêu cầu của khách hàng: tự động ngừng khi đủ lượng hàng
- Kiểm tra bộ nối đất chống tĩnh điện trước khi xuất hàng
- Xe ra vào nhập nguyên liệu phải đạt tiêu chuẩn của Trung Tâm kiểm định dành cho xe vận chuyển các loại xăng dầu
- Xe ra vào nhập nguyên liệu phải tuân thủ theo nội quy của kho xăng dầu

Để tránh sự cố môi trường và thất thoát xăng dầu do quá trình rò rỉ, rơi vãi xăng dầu cần phải đảm bảo an toàn khu vực bồn chứa như sau:

- Có khoảng cách an toàn từ các bồn đến các công trình khác
- Các khoảng cách an toàn giữa các bồn với nhau
- Có hệ thống chống sét của các bồn đảm bảo kỹ thuật
- Các bồn phải được chế tạo đủ độ dày, vật liệu đảm bảo
- Có chế độ bảo trì bồn, ống thích hợp.
- Khu bồn chứa có nội quy phòng cháy chữa cháy
- Cấm tắt cả các nguồn sinh ra lửa
- Công nhân vận hành máy móc trang thiết bị phải tuân thủ đúng kỹ thuật
- Có trang bị an toàn bảo hộ cho công nhân

3.2.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động giao thông

- Trồng và bố trí cây xanh tại các vị trí phù hợp trong khuôn viên Kho;
- Phun tưới nước giảm thiểu bụi vào những ngày nắng;
- Đặt bảng hướng dẫn, quy định tốc độ, phân luồng, bố trí khu vực dừng đỗ các loại phương tiện giao thông khi ra vào khu vực Kho.

3.2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ máy phát điện dự phòng

- Sử dụng máy phát điện có công nghệ hiện đại, phát sinh khí thải có nồng độ thấp.
- Đặt máy phát điện tại khu vực độc lập tách riêng với các công trình khác của Kho.
- Máy phát điện chỉ được sử dụng khi Kho mất điện, nên tần suất sử dụng chỉ khoảng 3 - 4 lần/năm.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

Hoạt động của Kho chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

- Nguồn gốc phát sinh: từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên Kho.
- Thành phần: bao nilong, thức ăn thừa, chai đựng nước uống,
- Khối lượng phát sinh trung bình khoảng 1.200 kg/năm
- Biện pháp thu gom, xử lý:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom vào các thùng chứa rác loại 200 lít đặt tại kho xăng. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này khoảng 25 kg/ngày (tương ứng khoảng 0.3kg/người/ngày). Vì vậy Công ty sẽ đặt 01 thùng chứa các loại 200 lít.

+ Hợp đồng với Công ty Dịch vụ Môi trường Đô thị Quy Nhơn để thu gom, vận chuyển đem đi xử lý hàng ngày.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

* Nguồn gốc và khối lượng phát sinh:

- CTNH phát sinh từ quá trình sản xuất và hoạt động vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải.

- Khối lượng và thành phần CTNH có nguy cơ phát sinh của Kho được tổng hợp năm 2022, 2023, 2024 theo bảng sau:

Bảng 5. Khối lượng CTNH có nguy cơ phát sinh

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
I	Năm 2022		25.530
1	Nước thải có thành phần nguy hại	19 10 01	6.000
2	Chất thải lẫn dầu	19 07 01	19.530
I	Năm 2023		2.390
1	Nước thải có thành phần nguy hại	19 10 01	2.000
2	Chất thải lẫn dầu	19 07 01	390
I	Năm 2024		15.320
1	Nước thải có thành phần nguy hại	19 10 01	7.360
2	Chất thải lẫn dầu	19 07 01	7.040
3	Giẻ lau bao tay,... bị nhiễm các TPNH	18 02 01	180
4	Ắc quy chì thải	19 06 01	50
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	30
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa (cang nhựa, thùng nhựa,...)	18 01 03	150
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại (lon sơn, phi sắt,...)	18 01 02	510

[Nguồn: Công ty Xăng dầu Bình Định]

* Biện pháp thu gom, quản lý, xử lý:

- Tất cả các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được thu gom phân loại riêng biệt (không để chung vào chất thải khác) và được lưu giữ trong thùng chứa chất thải nguy hại.

- Công ty thu gom và lưu trữ CTNH đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, và ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.5. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quá trình vận hành các máy móc thiết bị sản xuất, máy phát điện dự phòng, phương tiện giao thông, Kho thực hiện biện pháp sau:

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên Kho để hạn chế lan truyền tiếng ồn phát.

- Sử dụng các máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Kiểm tra sự cân bằng khi lắp đặt máy móc thiết bị. Vận hành máy theo đúng quy trình công nghệ của hãng sản xuất.

- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy móc, thiết bị, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Lắp đặt các thiết bị, kết cấu giảm ồn và rung như đệm đàn hồi cao su và lò xo chống rung,...cho các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung cao đồng thời định kỳ kiểm tra, thay thế các thiết bị này.

- Bố trí xe ra vào Kho hợp lý, không để xảy ra đồng thời nhiều xe vào Kho cùng một thời điểm và yêu cầu xe sau khi đậu phải tắt máy.

- Công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn được trang bị nút chống ồn và các bảo hộ lao động cần thiết khác.

- Tiếng ồn tại các nơi làm việc của cơ sở phải đảm bảo không vượt quá giá trị giới hạn cho phép tại QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Độ rung tại các nơi làm việc của cơ sở phải đảm bảo không vượt quá giá trị giới hạn cho phép tại QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – Mức rung cho phép tại nơi làm việc

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy nổ xăng dầu

** Phương án PCCC:*

- Hơi xăng dầu rất dễ cháy khi hỗn hợp với không khí trong khoảng tỷ lệ 4,6-4,8%, khi có tia lửa hỗn hợp khí có thể gây cháy nổ. Để tránh khả năng gây cháy nổ cán bộ nhân viên tại Kho tuân thủ các quy định về an toàn PCCC trong tất cả các khâu công tác: xuất nhập, bảo quản xăng dầu, kiểm tra, bảo dưỡng bồn chứa, trang thiết bị.

- Các khu vực bồn chứa xăng dầu, nơi xuất nhập và vận chuyển cùng với trạm bơm là những điểm dễ xảy ra sự cố cháy nổ nhất đều có đường giao thông nội bộ để xe cứu hoả dễ dàng tiếp cận xử lý khắc phục sự cố ngay từ lúc mới phát sinh.

- Hệ thống PCCC tại kho được thiết kế theo tiêu chuẩn an toàn PCCC.

- Hệ thống phun bọt chữa cháy bao gồm:

+ Máy bơm dung dịch chất tạo bọt.

+ Hệ thống đường ống dẫn dung dịch chất tạo bọt.

+ Chất tạo bọt dùng Foam Protein 3% bảo quản ở dạng nguyên chất trong bể chứa bằng thép.

+ Hệ thống pha trộn dung dịch chất tạo bọt bằng ejector.

+ Lăng phun bọt.

+ Các họng chữa cháy, các lăng phun nước, lăng phun bọt di động được bố trí ở các vị trí thích hợp để chữa cháy phụ trợ cho hệ thống chữa cháy cố định các diện tích nằm trong khu vực đê bao của các bể chứa dầu, nhà bơm dầu, nhà xuất cho ô tô, cầu tàu,...

+ Hệ thống phun bọt với các vòi phun bọt bố trí để chữa cháy cho nhà bơm dầu, nhà xuất ô tô xitec.

+ Tại tất cả những vị trí dễ cháy nổ trong khu vực kho đều lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống thông tin báo động, các phương tiện PCCC, đường ống dẫn nước từ cảng Chân Mây phục vụ cho cứu hoả, các thiết bị tạo bọt và các thiết bị dập cháy thủ công.

+ Tại những nơi dễ có nguy cơ cháy nổ công nhân không được hút thuốc, không dùng lửa, không mang vật liệu nổ và kho. Trang bị đầy đủ các biển báo PCCC, nội quy quy định vận hành máy móc thiết bị.

+ Khu nhà hành chính và bảo vệ được bố trí nằm tách biệt gần cổng kho, khoảng cách giữa các ngôi nhà theo tiêu chuẩn thiết kế kho xăng dầu.

+ Đường ô tô cứu hoả được bằng bãi đá dăm nước chảy quanh khu vực bể. Đảm bảo mặt bằng thông thoáng cho xe cứu hoả có thể kéo vòi nước vào tất cả các hạng mục công trình khi cần thiết.

+ Đường dây điện sáng bảo vệ quanh kho là dây cáp bọc PVC. Các thiết bị điện đều là loại phòng nổ.

+ Trục bảo vệ kho 24/24 giờ hằng ngày.

* *Công tác thông báo:* Khi xảy ra cháy nổ hoặc nhận được tin báo, phát hiện sự cố cháy nổ xăng dầu hoặc rò rỉ đường ống dầu, nhân viên của kho phải nhanh chóng tìm mọi biện pháp thông báo kịp thời cho Cơ quan cảnh sát PCCC tại địa phương.

* *Biện pháp thực hiện:*

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về PCCC sẽ góp phần hạn chế các sự cố, rủi ro trong quá trình xuất nhập xăng dầu. Dưới đây là các yêu cầu cụ thể:

- Kiểm tra thường xuyên các hệ thống PCCC, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thông tin, báo động,...

- Máy móc, thiết bị phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch kiểm tra bảo dưỡng định kỳ một cách khoa học nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành.

- Khi sự cố cháy nổ xăng dầu xảy ra trước hết phải dừng ngay việc cung cấp xăng dầu vào bất cứ thiết bị nào nằm trong khu vực bị cháy và áp dụng các biện pháp tạo ra vùng ngăn cháy với nguồn xăng dầu phía sau.

- Cắt toàn bộ hệ thống điện dẫn vào khu vực cháy.

- Tìm mọi cách cứu người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm.

- Sơ tán nhanh chóng số xăng dầu còn lại, người, các phương tiện, tài sản ra khỏi vùng nguy hiểm.

3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, ngoài ra, cũng cần thực hiện các biện pháp cụ thể sau để ứng phó sự cố tràn dầu:

+ Trước tiên, tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn thoát ra khỏi vùng nguy hiểm.

+ Biện pháp cơ học: quây gom, dồn dầu vào một vị trí nhất định để tránh dầu lan trên diện rộng.

+ Sử dụng phao ngăn dầu để quây khu vực dầu tràn, hạn chế ô nhiễm lan rộng và để thu gom xử lý.

+ Dùng máy hút váng dầu: sau khi dầu được quây lại dùng máy hút váng dầu hút dầu lên kho chứa.

+ Biện pháp hoá học: được dùng khi có hoặc không có sự làm sạch cơ học và dầu tràn trong một thời gian dài.

+ Sử dụng các chất phân tán, các chất phá nhũ tương dầu – nước, các chất keo tụ và hấp thụ dầu,...

+ Biện pháp sinh học: dùng các vi sinh vật phân giải dầu như vi khuẩn, nấm mốc, nấm men,...

Khi xảy ra sự cố tràn dầu thì biện pháp cơ học được xem là tiên quyết cho công tác ứng phó sự cố tràn dầu tại các sông, bến cảng nhằm ngăn chặn, khống chế và thu gom nhanh chóng lượng dầu tràn tại hiện trường.

- Khi dầu đã lan và dạt vào bờ, cần nhanh chóng và bằng mọi biện pháp, mọi phương tiện, từ thô sơ (như: xẻng, xô chậu,...) cho tới các phương tiện hiện đại (như: xu hút nước, bơm dầu, xe ủi, ô tô tải,...) tổ chức thu gom váng dầu, cặn dầu. Váng dầu, cặn dầu và các vật liệu bám dầu (như: đất, cát, cành cây, rác bám dầu,...) được thu gom về một nơi, ngăn quây cách ly không cho thấm ra môi trường xung quanh và sẽ được cơ quan chuyên môn hướng dẫn xử lý.

- Trường hợp tai nạn đâm va tàu chở dầu, hoặc vỡ kho chứa dầu, cần nhanh chóng và bằng biện pháp có thể có để san dầu và di chuyển đến nơi an toàn:

+ Trang bị hệ thống đèn giao thông, đèn tín hiệu và thiết bị thông tin hữu tuyến trong khu vực cầu cảng, hệ thống này cần được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên để đảm bảo trong tối các loại tàu vẫn có thể an toàn ra vào, lưu thông.

+ Có kế hoạch nạo vét và khơi thông luồng lạch định kỳ.

+ Phối hợp với các Cơ quan chức năng để có các kế hoạch cứu hộ, trang thiết bị và đội cứu hộ thường trực hoặc kiêm nhiệm, sẵn sàng xử lý và khắc phục các sự cố xảy ra trong thủy vực cầu cảng và lân cận một cách kịp thời.

+ Có các trang thiết bị đo nhanh để phát hiện loại dầu tràn, từ đó có thể áp dụng các phương án xử lý phù hợp.

3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố HT XLNT

** Biện pháp phòng ngừa sự cố:*

- Tất cả các bể trong HT XLNT đều được xây dựng bằng BTCT có độ bền cao, hạn chế tối đa các sự cố liên quan đến việc hư hỏng, rò rỉ.

- Công nhân vận hành được huấn luyện đầy đủ, tuân thủ quy trình vận hành HT XLNT.

- Bố trí công nhân kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kỳ.

- Theo dõi, kiểm tra vận hành HT XLNT hàng ngày để có phương án ứng phó, khắc phục kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

** Phương án ứng phó sự cố:*

- Trường hợp HT XLNT gặp sự cố nhỏ (đã có phương án ứng phó trong hướng dẫn vận hành HT XLNT): Công nhân vận hành sẽ kiểm tra và trực tiếp khắc phục.

- Trường hợp HT XLNT gặp sự cố lớn (ngoài hướng dẫn vận hành HT XLNT):

+ Công nhân vận hành đóng van xả nước thải để tránh khả năng nước thải không đạt quy chuẩn xả thải vào môi trường, đồng thời ngừng bơm nước thải bể lắng tách dầu sang bể phản ứng của HT XLNT.

+ Nước thải từ các hoạt động của Kho sẽ được lưu chứa tạm thời tại các bể trong HT XLNT (có khả năng lưu chứa nước thải của Kho trong vòng 08 giờ).

+ Sau đó, ban lãnh đạo Công ty nhanh chóng tổ chức ứng phó, xác định nguyên nhân, tập trung các nguồn lực để triển khai biện pháp xử lý, khắc phục sự cố trong vòng 08 giờ. Nếu sự cố không thể khắc phục trong vòng 08 giờ (vượt quá khả năng lưu chứa của hồ sự cố) thì ngay lập tức tạm dừng các hoạt động của Kho để tránh phát sinh thêm nước thải, đồng thời tiếp tục triển khai các biện pháp xử lý, khắc phục sự cố.

+ Sau khi sự cố được khắc phục, tiến hành vận hành HT XLNT như bình thường và công nhân tiếp tục theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống cho đến khi ổn định trở lại.

3.7. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

3.7.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lây lan dịch bệnh

- Ưu tiên tuyển dụng nhân viên là người địa phương.

- Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên định kỳ 01 lần/năm.

- Tuân thủ theo quy định, hướng dẫn của địa phương về ứng phó dịch bệnh.

3.7.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do thiên tai

- Định kỳ kiểm tra, gia cố các hạng mục công trình, hệ thống mương, rãnh, hệ thống thoát nước.

- Cập nhật thường xuyên các số liệu về tình hình thời tiết, mưa bão tại địa phương để có biện pháp ứng phó kịp thời khi xảy ra thiên tai. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai khi xảy ra bão lũ.

- Thường xuyên vệ sinh sân đường nội bộ. Định kỳ 1 năm/lần, thuê đơn vị có chức năng vệ sinh đường ống thu thoát nước mưa và các hố ga lắng cặn khi hệ thống đường ống thoát nước kém hoặc không đảm bảo.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Loại hình hoạt động của Kho phát sinh nước thải có nguồn gốc như sau:

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn số 2: nước thải công nghiệp từ hoạt động của Kho.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng nước thải phát sinh của Kho:

- Đối với nguồn số 1 (nước thải sinh hoạt): 5,0 m³/ngày đêm.
- Đối với nguồn số 2 (nước thải từ quá trình xả đáy các bể chứa xăng dầu): 2 m³/ngày đêm.

4.1.3. Dòng nước thải

- Dòng nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại xả vào hệ thống thoát nước chung của đường QL1D.

- Dòng nước thải từ quá trình xả đáy các bể chứa xăng dầu: Toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh từ các bồn chứa xăng dầu của Kho được thu gom và xử lý thông qua HT XLNT tập trung, đạt QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (cột B), sau đó đầu vào hệ thống thoát nước chung của đường QL1D.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Bảng 6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Stt	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn (*)
			QCVN 29:2010/BTNMT Cột B
1	pH	-	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	100
3	COD	mg/L	100
4	Dầu mỡ khoáng	mg/L	15

Ghi chú: (*) Giá trị giới hạn được căn cứ theo QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (cột B).

4.1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: Gần tường rào phía Đông Bắc của Kho, có tọa độ (theo hệ VN-2000, múi chiều 3⁰): X = 1523970 (m), Y = 0600825 (m).

- Phương thức xả thải: tự chảy, xả mặt.

- Chế độ xả nước thải: 24/24.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước tập trung của quốc lộ 1D.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Cơ sở không có nguồn khí thải đề nghị cấp phép.

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Cơ sở không có nguồn tiếng ồn, độ rung đề nghị cấp phép.

4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Cơ sở không có thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

4.5. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ CÓ NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

Cơ sở không có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động Kho xăng dầu Quy Nhơn, Công ty Xăng dầu Bình Định đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để quan trắc môi trường định kỳ. Kết quả quan trắc môi trường (trong vòng 2 năm gần nhất) được tổng hợp như sau:

5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

5.1.1. Vị trí quan trắc, lấy mẫu nước thải

Bảng 7. Vị trí quan trắc, lấy mẫu nước thải

Stt	Vị trí quan trắc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ	
			X (m)	Y (m)
1	Tại đầu ra HT XLNT	NT1	1523970	0600825

5.1.2. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước thải

Bảng 8. Kết quả đo đạc, phân tích mẫu nước thải năm 2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 29:2010/ BTNMT (Cột B)
			NT1 (Đợt 1)	NT2 (Đợt 2)	NT3 (Đợt 3)	NT4 (Đợt 4)	
1	pH	-	7,35	7,34	7,42	7,19	5,5 – 9
2	TSS	mg/L	9,0	10,5	12,5	12,5	100
3	COD	mg/L	23,7	25,7	35,5	12,5	100
4	Dầu mỡ khoáng	mg/L	<3	<3	KPH MDL = 1,0	<3	15

* **Ghi chú:**

- Thời gian quan trắc, lấy mẫu năm 2023:
 - + Đợt 1: ngày 24/03/2023
 - + Đợt 2: ngày 20/06/2023.
 - + Đợt 3: ngày 22/09/2023
 - + Đợt 4: ngày 05/12/2023
- KPH: Không phát hiện

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

*** Nhận xét:**

Để đánh giá chất lượng nước thải Kho, sử dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu: QCVN 29:2010/BTNMT, cột B.

Kết quả cho thấy mẫu nước thải của các đợt có chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B

5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

Cơ sở không có làm quan trắc không khí, khí thải

5.3. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO

Cơ sở không có thực hiện quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Cơ sở không có

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Kho đề xuất chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

6.2.1.1. Quan trắc, giám sát nước thải

- Số lượng: 01 điểm.
- Vị trí quan trắc: nước thải đầu ra của HT XLNT.
- Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần; khi có sự cố hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B.

6.2.1.2. Quan trắc, giám sát khí thải

Cơ sở không thuộc đối tượng bắt buộc phải quan trắc khí thải định kỳ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng bắt buộc phải quan trắc tự động, liên tục

6.3. KINH PHÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Kinh phí quan trắc môi trường do Chủ cơ sở bố trí.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

**7.1. CÁC ĐỢT KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Không

**7.2. CÔNG TÁC THỰC HIỆN YÊU CẦU, KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN
KIỂM TRA**

Không

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trong quá trình vận hành hoạt động của Kho, Công ty Xăng dầu Bình Định xin cam kết về việc thực hiện xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, bao gồm:

- Thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động của Kho đạt QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (C) trước khi xả thải vào môi trường.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và thu gom, quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh, hợp đồng đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

Chúng tôi xin cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

Chúng tôi xin cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO